

KẾT LUẬN THANH TRA
Tại UBND huyện Đăk Glei và các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Quyết định số 139/QĐ-TTr ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chánh Thanh tra tỉnh Kon Tum về việc thành lập Đoàn thanh tra liên ngành tại UBND huyện Đăk Glei và các đơn vị trực thuộc.

Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021 đến ngày 12 tháng 9 năm 2022, Đoàn thanh tra theo Quyết định thanh tra số 139/QĐ-TTr ngày 08/12/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh, đã tiến hành thanh tra tại UBND huyện Đăk Glei và các đơn vị trực thuộc gồm: Văn phòng HĐND-UBND huyện; Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Phòng Kinh tế - Hạ tầng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng; UBND các xã: Đăk Pét, Đăk Môn, Đăk Nhoong, Đăk Kroong, Xốp, Đăk Choong, Đăk Man, Đăk Blô, Ngọc Linh.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Huyện Đăk Glei là huyện miền núi nằm về phía Bắc của tỉnh Kon Tum, phía Bắc giáp huyện Phước Sơn - tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp huyện Ngọc Hồi, phía Đông giáp huyện Tu Mơ Rông, phía Tây giáp nước CHDCND Lào.

Tổng diện tích tự nhiên là 149.364,49 ha, gồm: Đất nông nghiệp 142.015,71 ha (trong đó: Đất rừng 106.565,97, Đất trồng cây lâu năm 15.811,35 ha, Đất trồng cây hàng năm khác 16.776,93 ha); Đất phi nông nghiệp 4.993,84 ha; Đất chưa sử dụng 2.354,94 ha.

Tổng dân số toàn huyện là 50.692 người, trong đó Đồng bào dân tộc thiểu số 42.528 người, chiếm 83,9%. Hộ nghèo 2.532 hộ, chiếm 18,91%.

Bộ máy Quản lý nhà nước gồm 13 phòng, ban trực thuộc huyện, 11 xã và 01 thị trấn. Tổng số CBCC, VC được giao năm 2021¹: 1.190 người; trong đó: Biên chế

¹ Theo Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2021, Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Kon Tum năm 2021

QLNN: 81 người; biên chế khối Đảng, đoàn thể: 65 người²; biên chế sự nghiệp: 1.015 người (*sự nghiệp giáo dục 992, sự nghiệp văn hóa thông tin: 16, sự nghiệp khác: 7*). Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP: 23 người (*cơ quan QLNN: 03, Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 17 và sự nghiệp Văn hóa - Thông tin: 03*).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Theo kế hoạch thanh tra đã được Chánh Thanh tra tỉnh phê duyệt, nội dung thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các nguồn kinh phí khác; công tác quản lý, sử dụng mua sắm tài sản công tại các đơn vị trực thuộc; việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng; chấp hành chế độ, chính sách của Nhà nước về chi phí Ban quản lý dự án; việc chỉ đạo, điều hành về xây dựng; phát triển quỹ đất; về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép; việc lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch xây dựng; trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng và xử lý vi phạm trật tự xây dựng. Thời kỳ thanh tra từ năm 2017 đến 31/12/2020.

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, trong quá trình thanh tra tại nơi được thanh tra đã bị nhiều ổ dịch, CBCCC và thành viên Đoàn thanh tra thay nhau bị nhiễm COVID-19; ngoài ra, nhiệm vụ đột xuất được UBND tỉnh giao thực hiện nhiều. Từ những vấn đề trên thời gian thanh tra phải bị gián đoạn, tạm dừng; chỉ thực hiện được công việc ở cơ quan, thời gian thực hiện tại nơi được thanh tra quá ít; nên ảnh hưởng nhiều về thời gian, phải gia hạn về thời gian thanh tra; tạm dừng thời gian thanh tra. Nên cuộc thanh tra này kéo dài thời gian ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ trong thanh tra.

I. Thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các nguồn kinh phí khác; công tác quản lý, sử dụng mua sắm tài sản công

Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra tại các đơn vị: Phòng Giáo dục & Đào tạo, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp-Giáo dục Thường xuyên, Văn phòng HĐND-UBND, UBND xã Đăk Pét, UBND xã Đăk Môn.

Quá trình thanh tra tại các đơn vị, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra xác xuất tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của chứng từ, sau đó đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán và báo cáo tài chính. Không tiến hành kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ, vật tư, hàng hóa tồn kho; không xác minh chứng từ bên ngoài cung cấp, chế độ cho các

và Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao số lượng người làm việc trong các tổ chức Hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

² Theo Thông báo số 96 -TB/HU ngày 08/01/2021 của Ban Tổ chức Huyện ủy

đối tượng và người lao động. Đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp trong quá trình thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng và chi trả.

Kết quả như sau:

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, định mức, tiêu chuẩn gắn với công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí (Kèm theo phụ lục số 01)

- Kết thúc năm tài chính, các đơn vị đã chấp hành việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Đối với các đơn vị hành chính) và theo mẫu biểu quy định tại Thông tư 344/2016/TT-BTC, ngày 30/3/2016 của Bộ Tài chính (đối với UBND các xã).

- UBND huyện đã trang bị phần mềm kế toán Misa Mimosa cho các đơn vị để thực hiện các nghiệp vụ kế toán và ghi chép các loại sổ kế toán. Nhìn chung, kế toán các đơn vị đã lập chứng từ, mở các loại sổ sách theo quy định và thực hiện ghi chép đầy đủ. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu giữ khoa học và bảo quản theo quy định.

- Hằng năm, đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quy chế được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành.

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; thực hiện việc tự kiểm tra báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1.1/ Tại Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện

Năm 2017 đơn vị đã được Kiểm toán Nhà nước Khúc vực XII kiểm toán (có Biên bản) Đoàn thanh tra không thực hiện kiểm tra.

Trong 3 năm 2018-2020, Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện được cấp và sử dụng: 28.236.656.573 đồng (Nguồn kinh phí tự chủ: 1.848.343.573 đồng; nguồn kinh

phí không tự chủ: 26.388.313.000 đồng). Đã sử dụng và quyết toán: 24.215.480.373 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 1.755.231.707 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 22.460.248.666 đồng*). Kinh phí chuyển kỳ sau: 93.122.229 đồng (nguồn kinh phí tự chủ).

Quá trình quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao cơ bản Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Qua kiểm tra các công trình xây dựng, sửa chữa các điểm trường: Đoàn thanh tra đã kiểm tra công trình Trường phổ thông DTBT-THCS xã Đăk long, hạng mục: Sửa chữa nhà học 6 phòng và công trình xây dựng nhà vệ sinh, giếng nước, bồn nước tại các điểm trường trên địa bàn huyện. Giá trị kiểm tra đúng theo giá trị nghiệm thu thanh toán.

Nhìn chung, các công trình thi công đúng theo hồ sơ thanh toán, thiết kế bản vẽ thi công. Đối với các hạng mục khuất, lắp Đoàn thanh tra không kiểm tra thực tế, tính theo hồ sơ hoàn công.

** Tuy nhiên, quá trình quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:*

- Kế toán đơn vị chưa mở sổ kho, sổ theo dõi công cụ dụng cụ, vật tư theo quy định tại Điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Một số chứng từ chi chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp như: Thiếu Giấy đề nghị thanh toán, danh sách giao nhận, chữ ký, một số danh sách nhận tiền không có họ tên người nhận (*chỉ ký tên*).

- Một số chứng từ sửa chữa thiết bị văn phòng, mua văn phòng phẩm, nước uống: Thiếu giấy báo hỏng, biên bản kiểm tra hiện trạng, kế hoạch, dự trù, không có định mức.

1.2/ Tại Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện

Trong 04 năm 2017-2020, Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện được cấp và sử dụng: 36.272.097.805 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 3.645.471.295 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 32.626.626.510 đồng*). Đã sử dụng và quyết toán: 33.032.153.249 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 3.628.614.815 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 29.403.538.434 đồng*). Kinh phí chuyển kỳ sau: 16.856.480 đồng (nguồn kinh phí tự chủ).

Đối với các nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí và khắc phục hạn hán; kinh phí hỗ trợ và bảo vệ đất trồng lúa theo NĐ 35/NĐ-CP năm 2019 đã được Kiểm toán khu vực XII kiểm toán nên Đoàn thanh tra không thực hiện kiểm tra.

Quá trình quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao cơ bản phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện đã thực hiện theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn để xảy ra một số tồn tại, hạn chế sau:

a. Việc mở sổ kế toán: Kế toán đơn vị chưa thực hiện mở một sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính như: Sổ tiền gửi Ngân hàng, kho bạc (S12-H); Sổ theo dõi dự toán; Chứng từ ghi sổ (S02a-H); Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ (S02b-H); Sổ cái (S02c-H); Sổ Nhật ký chung (S04-H); Sổ kho.

b. Nguồn ngân sách nhà nước cấp:

- Chứng từ kế toán sắp xếp lộn xộn, không phân loại theo nội dung kinh tế, trình tự thời gian và đóng thành từng tập theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Kế toán 2015.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ để tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết và thể hiện tính khoa học trong chứng từ kế toán (*lưu ý, rút kinh nghiệm*).

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015; Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và các quy định hiện hành, cụ thể: Thiếu giấy đề nghị thanh toán; Biên bản giao nhận; phiếu nhập kho, xuất kho, danh sách phân bổ CCDC, VPP cho bộ phận sử dụng; một số danh sách nhận tiền không có ngày tháng; chữ ký.

- Một số chứng từ mua hàng hóa có giá trị đơn vị không lập Hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quá trình mua bán (*lưu ý, rút kinh nghiệm*).

c. Kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn theo Chương trình MTQG XDNTM năm 2017, 2018, 2019, 2020:

Kiểm tra chứng từ kế toán chỉ có Hợp đồng đào tạo; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Glei. Đơn vị thực hiện thanh toán 01 lần theo Hợp đồng đào tạo mà chưa thực hiện tạm ứng hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính. Hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 12 Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng³.

³ Điều 11. Tạm ứng hợp đồng đặt hàng đào tạo: Việc tạm ứng hợp đồng được thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng đặt hàng đào tạo, đảm bảo mức tạm ứng và hồ sơ tạm ứng như sau:

1. Mức tạm ứng hợp đồng: a) Tạm ứng lần đầu ngay sau khi ký hợp đồng bằng 50% giá trị hợp đồng. b) Tạm ứng lần hai áp dụng cho các khóa đào tạo từ 03 tháng trở lên khi cơ sở đào tạo đã thực hiện tối thiểu 30% thời gian khóa đào tạo. Mức tạm ứng lần hai theo khối lượng và giá trị thực tế thực hiện, nhưng tối đa mức tạm ứng cả hai lần không quá 80% giá trị hợp đồng và không vượt quá dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khoản chi đó.

d. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm giống bò lai sinh sản bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo năm 2019, số tiền 490.100.000 đồng: Hỗ trợ giống bò sinh sản cho Tổ Hợp tác Thôn Đăk Nớ- xã Đăk Pét, 29 hộ, 180kg/con/hộ = 16,9 triệu đồng.

- Kết quả xác minh thực tế: Dự án triển khai vào tháng 12/2019 đến thời điểm xác minh tháng 01/2022 có 07/29 con chết (chiếm tỷ lệ 24,1%), nguyên nhân: do dịch bệnh long móng lở mồm và phong tục chôn đất thả rông của người dân. Số bò giống còn lại hiện nay đang sinh sản.

1.3/ Tại Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện

Trong 04 năm 2017-2020, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện được cấp và sử dụng: 11.038.587.727 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 7.165.088.119 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 238.533.000 đồng, kinh phí hợp đồng đào tạo nghề: 3.625.966.608 đồng*). Đã sử dụng và quyết toán: 10.292.971.350 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 6.796.489.404 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 238.533.000 đồng; kinh phí hợp đồng đào tạo nghề: 3.257.948.946 đồng*). Kinh phí chuyển kỳ sau: 714.914.877 đồng (*nguồn kinh phí tự chủ: 346.568.715 đồng; kinh phí hợp đồng đào tạo nghề: 368.346.162 đồng*).

Quá trình quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí cơ bản Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện thực hiện theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Một số chứng từ kế toán của đơn vị chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015, Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, như: Thiếu biên bản đánh giá hiện trạng, giấy báo hỏng, phiếu xuất kho, nhập kho; so sánh báo giá các cơ sở, biên bản bàn giao sử dụng; chữ ký; ngày tháng...

- Nguồn kinh phí hợp đồng đào tạo các lớp dạy nghề: Đơn vị chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên các lớp dạy nghề năm 2017, 2018, 2019, 2020 sau khi kết thúc khóa học, không

2. Đối với tạm ứng lần hai, cơ sở đào tạo cần gửi: văn bản đề nghị tạm ứng lần hai; quyết định mở lớp, kèm theo danh sách học viên; chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo từng lớp học; danh sách học viên thuộc diện được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) và báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Điều 12. Thanh lý hợp đồng đặt hàng đào tạo

1. Sau khi kết thúc lớp học, cơ sở đào tạo có văn bản gửi cơ quan, đơn vị đặt hàng đào tạo đề nghị thanh lý hợp đồng, kèm theo các tài liệu sau: a) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng; b) Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách học viên được cấp chứng chỉ; c) Bảng kê danh sách học viên có việc làm sau học nghề: danh sách học viên được doanh nghiệp tuyển dụng có xác nhận của doanh nghiệp; danh sách học viên được doanh nghiệp nhận bao tiêu sản phẩm có xác nhận của doanh nghiệp cam kết bao tiêu sản phẩm; danh sách học viên tự tạo việc làm từ nghề đào tạo tại địa phương có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các trường hợp thành lập tổ, nhóm sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc làm nghề đã được học tại địa phương; d) Bảng tổng hợp thanh quyết toán các nội dung chi cho lớp học; đ) Các chứng từ chi tiêu có liên quan đến chi phí tổ chức đào tạo, hỗ trợ tiền ăn, đi lại có chữ ký nhận tiền của học viên (để đối chiếu, cơ sở trực tiếp đào tạo lưu giữ theo quy định hiện hành).

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu của cơ sở đào tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị đặt hàng đào tạo có trách nhiệm nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đào tạo, chuyển số kinh phí còn phải thanh toán theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đào tạo cho cơ sở đào tạo.

đúng thời gian quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015⁴.

1.4/ Tại Văn phòng HĐND-UBND huyện

Trong 03 năm 2017, 2018, 2020, Văn phòng HĐND-UBND huyện được cấp và sử dụng: 19.958.959.834 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 11.441.828.363 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 8.517.131.471 đồng*). Đã sử dụng và quyết toán: 18.942.935.994 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 11.098.458.917 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 7.844.477.077 đồng*). Kinh phí chuyển kỳ sau: 744.944.774 đồng (nguồn kinh phí tự chủ).

Năm 2019 đơn vị đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII kiểm toán (có Biên bản) Đoàn thanh tra không thực hiện kiểm tra.

Quá trình quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao cơ bản Văn phòng HĐND-UBND huyện thực hiện theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ để tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết và thể hiện tính khoa học trong chứng từ kế toán.

- Năm 2017: Chứng từ chuyển khoản (RDTNS) số 293, ngày 06/12/2017, thanh toán tiền đặt com tiếp Đoàn công tác huyện Xả Xay, tỉnh Attapur, nước CHDCND Lào, số tiền: 12.000.000 đồng (Chỉ có bảng kê và Giấy rút dự toán; không có kế hoạch đón tiếp, dự trù, đề xuất, hoá đơn... kèm theo). Các chứng từ chi đoàn vào (mục 6850) không đầy đủ hồ sơ, không có kế hoạch, dự trù... chứng từ chuyển khoản số 328 ngày 04/01/2017: Thanh toán chế độ không nghỉ phép năm 2017, số tiền: 12.800.000đ (800.000đ/người/16 người). Theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, phải có đơn nghỉ phép nhưng không bố trí được công việc mới được thanh toán. Trong hồ sơ thanh toán chỉ có Giấy đề nghị không có đơn xin nghỉ phép năm.

- Năm 2018, 2020 một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo theo quy định của Điều 16 Luật Kế toán 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp như: Thiếu ngày tháng, chữ ký, Giấy đề nghị thanh toán; Một số Lệnh điều xe: chưa ghi thời gian công tác, xác nhận của nơi đến công tác hoặc xác nhận nơi đến không trùng với Giấy đi đường; Một số chứng từ chuyển khoản mua VPP: Thiếu đề xuất của từng bộ phận, kế hoạch mua sắm, nhập kho, xuất kho, đề xuất của người sử dụng.

- Công trình: Sửa chữa Hội trường 16/5 năm 2020: RDT 313 ngày 12/01/2021 thanh toán CP xây lắp, số tiền 184.630.000 đồng: Không có Biên bản đánh giá hiện

⁴ Cơ sở đào tạo căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, hợp đồng đặt hàng được giao và số lượng người học thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo theo quy định của Quyết định này, tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người học và thanh toán tiền ăn, tiền đi lại cho người học thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Quyết định này ngay trong thời gian đào tạo.

trạng; Đề xuất của đơn vị sử dụng tài sản; BB thanh lý hợp đồng. RDT 108 ngày 21/4/2020 Mua sắm tài sản, số tiền 91.000.000 đồng; 03 báo giá không ngày tháng; Cùng 01 phong chữ; Không có đề xuất.

- Công trình: Sửa chữa nhà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện năm 2020: RDT 316 ngày 12/01/2021 thanh toán CP xây lắp, số tiền 196.101.000 đồng; Không có Biên bản đánh giá hiện trạng; Đề xuất của đơn vị sử dụng tài sản; Biên bản thanh lý hợp đồng. Hợp đồng số 0000263 ngày 30/11/2020; Ngày tháng ghi khác mục.

1.5/ Tại UBND xã Đăk Pét

Trong 02 năm 2019-2020, UBND xã Đăk Pét được cấp và sử dụng: 14.245.292.901 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 7.183.012.063 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 7.062.280.838 đồng*). Đã sử dụng và quyết toán: 13.042.295.104 đồng (*Nguồn kinh phí tự chủ: 6.522.724.161 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 6.519.570.943 đồng*). Kinh phí chuyển kỳ sau: 1.026.023.881 đồng (*nguồn kinh phí tự chủ: 993.519.786 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 32.504.095 đồng*).

Quá trình quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao cơ bản UBND xã Đăk Pét thực hiện theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Việc mở sổ sách kế toán: Kế toán đơn vị không mở các loại sổ sách theo quy định tại Mục IV Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã; Điều 5 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

+ Đơn vị mở Sổ quỹ tiền mặt nhưng không thực hiện cuối ngày cộng khóa sổ, đối chiếu và xác nhận giữa kế toán và thủ quỹ theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

+ Kế toán đơn vị không sử dụng phần mềm kế toán MiSa Mimosa đã được trang bị để lập chứng từ, sổ sách kế toán.

+ Không thực hiện việc tự kiểm tra báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hằng năm chưa căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị công chức và người lao động.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ để tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết và thể hiện tính khoa học trong chứng từ kế toán (*lưu ý, rút kinh nghiệm*).

- Đơn vị sử dụng mẫu chứng từ không đúng theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005, Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

- Chứng từ kế toán sắp xếp lộn xộn, không phân loại theo nội dung kinh tế, sắp xếp theo trình tự thời gian và đóng thành từng tập theo quy định tại Tiêu mục 6 Mục II Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 21 Luật Kế toán 2015.

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo nội dung theo quy định tại tiêu mục 2 mục II của Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán 2015 như: Thiếu dấu, chữ ký của những người liên quan đến chứng từ, ngày tháng; phiếu nhập kho, xuất kho, giấy báo hồng, biên bản bàn giao sử dụng.

- Một số chứng từ mua hàng hóa có giá trị đơn vị không lập Hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quá trình mua bán (lưu ý, rút kinh nghiệm).

- Chi sửa chữa nhỏ các công trình (đường GTNT, nước sinh hoạt): Thiếu biên bản đánh giá hiện trạng; hồ sơ dự toán sửa chữa chi tiết; báo giá của 03 cơ sở; Biên bản bàn giao vật liệu cho đơn vị sử dụng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Năm 2020, một số chứng từ mua phân hỗ trợ phát triển sản xuất, mua gạo hỗ trợ tết chưa đầy đủ 03 báo giá, nguồn gốc xuất xứ, quy cách, chủng loại ... chưa đúng theo quy trình chỉ định thầu.

- Chi hỗ trợ các chi bộ theo Quyết định 99-QĐ/TW: Chi hỗ trợ các chi bộ trường học (Tiểu học Võ Thị Sáu; Tiểu học Kim Đồng; THCS; Mầm non) không đúng quy định tại khoản 2 điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW vì các chi bộ trường là chi bộ cơ quan, được giao dự toán hoạt động, hàng năm căn cứ vào chế độ chi, lập dự toán chi hoạt động Đảng của chi bộ gửi cơ quan, cơ quan có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hoạt động của chi bộ, tổng số tiền 46.323.000 đồng, cụ thể:

+ Năm 2019: Hỗ trợ hoạt động chi bộ số tiền 4.170.000 đồng/chi bộ x 4 chi bộ = 16.680.000 đồng.

+ Năm 2020: Hỗ trợ cho các chi bộ trường Đại hội số tiền 12.963.000 đồng;

Hỗ trợ hoạt động chi bộ số tiền 4.170.000 đồng/chi bộ x 4 chi bộ = 16.680.000 đồng.

Đề nghị UBND xã thu hồi số tiền 46.323.000 đồng nộp lại ngân sách xã để chi cho các hoạt động của Đảng theo quy định tại Quyết định 99-QĐ/TW.

1.6/ Tại UBND xã Đăk Môn

Trong 03 năm 2018, 2019, 2020, UBND xã Đăk Môn được cấp và sử dụng: 25.690.275.133 đồng (Nguồn kinh phí tự chủ: 11.914.662.094 đồng; nguồn kinh phí

không tự chủ: 13.775.613.039 đồng). Đã sử dụng và quyết toán: 20.623.287.465 đồng (Nguồn kinh phí tự chủ: 9.719.668.257 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 10.903.619.208 đồng). Kinh phí chuyển kỳ sau: 3.468.501.361 đồng (nguồn kinh phí tự chủ: 2.194.993.837 đồng; nguồn kinh phí không tự chủ: 1.273.507.524 đồng).

Quá trình quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao cơ bản UBND xã Đắk Môn thực hiện theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Việc mở sổ sách kế toán: Kế toán đơn vị không mở các loại sổ sách theo quy định tại Mục IV Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã; Điều 5 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

- Kế toán đơn vị không sử dụng phần mềm kế toán MiSa Mimosa đã được trang bị để lập chứng từ, sổ sách kế toán.

- Không thực hiện việc tự kiểm tra báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hằng năm chưa căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ để tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết và thể hiện tính khoa học trong chứng từ kế toán (*lưu ý, rút kinh nghiệm*).

- Đơn vị sử dụng mẫu chứng từ không đúng theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

- Chứng từ kế toán không được phân loại theo nội dung kinh tế, sắp xếp theo trình tự thời gian và đóng thành từng tập theo quy định tại Tiểu mục 6 Mục II Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 21 Luật Kế toán 2015.

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo nội dung theo quy định tại tiểu mục 2 mục II của Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán 2015 như: Thiếu dấu, chữ ký của những người liên quan đến chứng từ, ngày tháng; phiếu nhập kho, xuất kho, giấy báo hỏng, biên bản bàn giao sử dụng; Các chứng từ chuyên lương, chuyển tiền điện, cước phí: không kèm theo bảng lương, hóa đơn tiền điện, cước internet..;

- Một số chứng từ mua hàng hóa có giá trị đơn vị không lập Hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quá trình mua bán (*lưu ý, rút kinh nghiệm*)

- Chi sửa chữa nhỏ các công trình (đường GTNT, nước sinh hoạt): Thiểu biên bản đánh giá hiện trạng; hồ sơ dự toán sửa chữa chi tiết; báo giá của 03 cơ sở; Biên bản bàn giao vật liệu cho đơn vị sử dụng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chi hỗ trợ các chi bộ theo Quyết định 99-QĐ/TW: Chi hỗ trợ các chi bộ trường học (Tiểu học; THCS; Mầm non), Phòng khám Đa khoa khu vực không đúng quy định tại khoản 2 điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW vì các chi bộ trường là chi bộ cơ quan, được giao dự toán hoạt động, hàng năm căn cứ vào chế độ chi, lập dự toán chi hoạt động Đảng của chi bộ gửi cơ quan, cơ quan có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hoạt động của chi bộ, tổng số tiền 42.750.000 đồng, cụ thể:

+ Năm 2018: Hỗ trợ hoạt động chi bộ số tiền 4.170.000 đồng/chi bộ x 4 chi bộ = 16.680.000 đồng;

+ Năm 2020: Hỗ trợ cho các chi bộ Đại hội số tiền 9.390.000 đồng;

Hỗ trợ hoạt động chi bộ số tiền 4.170.000 đồng/chi bộ x 4 chi bộ = 16.680.000 đồng

Đề nghị UBND xã thu hồi số tiền 42.750.000 đồng nộp lại ngân sách xã để chi cho các hoạt động của Đảng theo quy định tại Quyết định 99-QĐ/TW

2. Việc xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán ngân sách

Qua kiểm tra tại các đơn vị được thanh tra, cho thấy: Hàng năm Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện không thực hiện xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm cho các đơn vị dự toán cùng cấp và ngân sách cấp xã theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

3. Công tác đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản công

Nhìn chung, việc đầu tư mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thường xuyên của các đơn vị được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc được quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ Tài chính.

Tại Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện các gói thầu mua sắm trang thiết bị, bàn ghế còn một số tồn tại như: Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh, Phụ lục tiêu chuẩn đánh giá không nêu chi tiết yêu cầu kỹ thuật làm cơ sở cho việc chào hàng của nhà thầu; Hồ sơ yêu cầu: yêu cầu kỹ thuật “Hàng gia công” làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu sản xuất có thương hiệu, có nhãn hiệu hàng hóa. Mặt khác, chủ đầu tư

không lựa chọn được bàn ghế có “nhãn hiệu” theo quy định tại điều 7⁵, TTLT 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của liên bộ giáo dục & Đào tạo, Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Y tế. Xác minh tại một số đơn vị trường (*MN Đăk Pét, THCS Đăk Pét, Tiểu học Kim Đồng, MN Đăk Môn, PTDTBT THCS Đăk Long*): Các đơn vị nhận đủ số lượng, đúng quy cách bàn ghế, trang thiết bị theo biên bản giao nhận. Tuy nhiên, trên bàn ghế, trang thiết bị không được đóng nhãn hàng hóa, không có thông tin của tên sản phẩm, tên của nhà sản xuất, năm sản xuất, cỡ số của sản phẩm.

Năm 2020, UBND huyện đã trang bị cho các đơn vị dự toán phần mềm quản lý tài sản công. Tuy nhiên, qua kiểm tra tại UBND xã Đăk Môn và UBND xã Đăk Pét chưa đưa phần mềm trên vào sử dụng để theo dõi tài sản.

II. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng; chấp hành chế độ, chính sách của Nhà nước về chi phí Ban quản lý dự án; việc chỉ đạo, điều hành về xây dựng; phát triển quỹ đất; về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục đầu tư trong lĩnh vực xây dựng cơ bản:

1.1/ Kiểm tra việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng:

Qua thanh tra tại 132 công trình, tổng dự toán là **119.262.958.483 đồng**, giá trị A-B nghiệm thu thanh toán phần xây lắp và thiết bị là **97.592.444.520 đồng** được UBND huyện Đăk Glei giao cho các đơn vị làm chủ đầu tư. Nhìn chung, các đơn vị được giao làm chủ đầu tư, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát huy hết trách nhiệm của mình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích và đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm, các công trình thi công đúng tiến độ, được nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong vùng có dự án.

1.2/ Kiểm tra tình hình thanh toán vốn đầu tư và nghiệm thu thanh toán:

1.2.1. Kiểm tra tình hình thanh toán vốn đầu tư:

Kết quả thanh tra tại 132 công trình có tổng dự toán được duyệt là **119.262.958.483 đồng**.

- Giá trị A-B nghiệm thu, thanh toán phần xây lắp: 97.592.444.520 đồng.

(Kèm theo phụ lục số 02)

1.2.2/ Kiểm tra công tác nghiệm thu thanh toán:

⁵**Điều 7. Nhãn bàn ghế.** Bàn ghế phải có nhãn theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; nhãn được ghi rõ ràng, bền trong quá trình sử dụng và tối thiểu phải có những thông tin của tên sản phẩm, tên của nhà sản xuất (đối với bàn ghế nhập khẩu phải có tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu và phân phối), năm sản xuất, cỡ số của sản phẩm.

- Giá trị A-B nghiệm thu xây lắp: 97.592.444.520 đồng.
- Giá trị kiểm tra xây lắp: 96.266.136.873 đồng.
- Chênh lệch: 1.326.307.647 đồng.

* **Nguyên nhân chênh lệch số tiền 1.326.307.647 đồng:** Các Chủ đầu tư tra hồ sơ và nghiệm thu thanh toán còn thiếu chặt chẽ rà soát chưa kỹ giữa khối lượng, đơn giá theo thiết kế, dự toán so với khối lượng thực tế thi công, nên dẫn đến thanh toán tăng cho nhà thầu; Chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế GTGT 10% phần chi phí nhân công do phân ngân sách chi trả, cụ thể:

- Tại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện: Số tiền 66.786.234 đồng.
- Tại Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện: Số tiền 38.553.813 đồng.
- Tại UBND xã Đăk Nhoong: Số tiền 296.414.600 đồng.
- Tại UBND xã Đăk Môn: Số tiền 54.968.000 đồng.
- Tại UBND xã Đăk Kroong: Số tiền 81.510.000 đồng.
- Tại UBND xã Xốp: Số tiền 151.428.000 đồng.
- Tại UBND xã Đăk Choong: Số tiền 90.219.000 đồng
- Tại UBND xã Đăk Man: Số tiền 195.540.000 đồng.
- Tại UBND xã Đăk Plô: Số tiền 202.864.000 đồng.
- Tại UBND xã Ngọc Linh: Số tiền 148.024.000 đồng.

(Kèm theo phụ lục số 03)

Nhận xét: Từ năm 2017 đến năm 2020 UBND huyện giao nhiệm vụ cho các đơn vị làm chủ đầu tư, nhìn chung các đơn vị đã chấp hành tốt các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản; việc quản lý dự án được thực hiện theo quy định của Luật xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Trình tự lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật được các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định hiện hành; dự án, công trình trước khi thực hiện đều được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định kể cả việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư.

Mục tiêu đầu tư của các dự án được xác định cụ thể ngay khi lập báo cáo đầu tư, bên cạnh đó việc cân đối, bố trí vốn để thực hiện được xác định từng nguồn vốn bố trí cho từng dự án do vậy tránh được nợ đọng trong đầu tư công theo tinh thần của Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Công tác khảo sát, thiết kế: Các công trình thanh tra đều được thực hiện thiết kế một bước (thiết kế bản vẽ thi công), được áp dụng đối với công trình chỉ lập Báo cáo

kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Các công trình được chủ đầu tư thuê các đơn vị tư vấn có chức năng thiết kế, lập dự toán thực hiện; đã tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và trình người quyết định đầu tư phê duyệt cùng với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

- Công tác đấu thầu, chỉ định thầu, quản lý chi phí, chất lượng công trình: Các chủ đầu tư đã tiến hành tổ chức đấu thầu để thực hiện các gói thầu theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH 13, ngày 26/11/2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; đã tiến hành tổ chức thực hiện công tác lập hồ sơ mời thầu, kế hoạch đấu thầu và tiến hành tổ chức đấu thầu, phê duyệt kết quả trúng thầu theo quy định của Luật đấu thầu năm 2013.

- Công tác nghiệm thu thanh toán vốn đầu tư: Được chủ đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng được ký kết với các đơn vị nhận thầu. Tham gia nghiệm thu có chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo từng giai đoạn, từng hạng mục công trình và nghiệm thu hoàn thành công trình. Đối với công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng được lập hồ sơ hoàn công công trình theo quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiệm thu thanh toán, một số gói thầu xây lắp, nghiệm thu thanh toán còn sai so với khối lượng thực tế thi công, chủ đầu tư chưa rà soát, cắt giảm phần dự toán tính thừa, tính trùng khối lượng so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; Tiền thuế GTGT 10% phần chi phí nhân công đối với các công trình nông thôn mới chưa thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước dẫn đến kết quả kiểm tra một số gói thầu giảm so với giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán với **số tiền 1.326.307.647 đồng**.

* Đối với chủ đầu tư (Ban quản lý Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới): đã triển khai thực hiện nghiêm túc các bước theo đúng cơ chế quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 991/QĐ-UBND, ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đề án cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020; các dự án khi triển khai đều được công khai dân chủ, nhân dân trong vùng dự án được tham gia bàn bạc, góp ý vào các hồ sơ xây dựng công trình; các công trình sau khi xây dựng xong đưa vào sử dụng đã và đang phát huy được hiệu quả, phục vụ thiết thực đời sống của nhân dân trong vùng có dự án.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiệm thu thanh toán đối với các công trình nông thôn mới tại các xã chưa thực hiện đúng quy định tại quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh Kon Tum, quá trình thi công một số công trình chủ đầu tư khoán cho đơn vị cung ứng vật liệu máy thi công thực hiện; chi phí nhân công

(phần Nhà nước đầu tư) chủ đầu tư không thực hiện thu thuế GTGT theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT.

3. Kiểm tra việc chấp hành chế độ, chính sách và sử dụng các nguồn kinh phí (Tại ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện).

3.1/ Chi phí ban quản lý dự án

a. Tình hình cấp phát và sử dụng nguồn kinh phí:

- Dự toán được duyệt năm 2018, 2019, 2020 là: 6.286.826.834 đồng.
- Kinh phí được cấp năm 2018, 2019, 2020 là: 9.644.903.372 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng năm 2018, 2019, 2020 là: 5.664.691.619 đồng.

b. Tình hình quản lý và sử dụng nguồn kinh phí:

- Số báo cáo quyết toán năm 2018, 2019, 2020 là: 5.661.361.619 đồng.
- Số kiểm tra năm 2018, 2019, 2020 là: 5.661.361.619 đồng.
- Chênh lệch: Không.

Nhìn chung, việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án và thanh quyết toán đúng theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 06/2019/TT-BTC, ngày 28/01/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

(Kèm theo phụ lục số 04)

3.2/ Kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a. Tình hình cấp phát và sử dụng nguồn kinh phí:

- Kinh phí được cấp năm 2019, 2020 là: 854.906.289 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng năm 2019, 2020 là: 848.107.377 đồng.

b. Tình hình quản lý và sử dụng nguồn kinh phí:

- Số báo cáo quyết toán năm 2019, 2020 là: 848.107.377 đồng.
- Số kiểm tra năm 2019, 2020 là: 848.107.377 đồng.
- Chênh lệch: Không.

Đơn vị quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng theo các quy

định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tại thời điểm thanh tra, đơn vị lập đầy đủ các loại sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư và Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

(Kèm theo phụ lục số 05)

* Ghi chú: Đoàn thanh tra không xác minh thực tế hóa đơn đầu vào, chỉ kiểm tra trên chứng từ sổ sách do đơn vị cung cấp, báo cáo quyết toán thu, chi nguồn chi phí QLDA có xác nhận của kho bạc nhà nước huyện.

4. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc; quản lý phát triển quỹ đất; đấu giá quyền sử dụng đất (Tại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện).

4.1/ Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc

UBND huyện Đắk Glei đã ủy quyền cho 02 đơn vị là Ban quản lý Dự án ĐTXD huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, cùng thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc.

Từ năm 2018 đến 2020 Ban quản lý ĐTXD huyện thực hiện 06 dự án bồi thường, trong đó có 02 dự án đã được kiểm toán nhà nước kiểm tra: Dự án bố trí, sắp xếp dân cư ở vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Đắk Glei; Công trình đường vào cầu bê tông cốt thép qua sông Pô Kô thị trấn Đắk Glei.

Đoàn thanh tra kiểm tra 04 dự án, tổng kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ là 1.179.833.611 đồng, tổng số hộ được hỗ trợ là 10 hộ. Qua kiểm tra hồ sơ 04 dự án cho thấy các hộ gia đình đã nhận đủ số tiền được bồi thường, hỗ trợ và cam kết không khiếu nại khiếu kiện về việc bồi thường, hỗ trợ.

Nhìn chung, việc tổ chức, thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc được đơn vị thực hiện theo các quy định của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum về ban hành Bảng đơn giá các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn

việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Kèm theo phụ lục số 06)

4.2/ Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện việc thu hồi đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đăng ký danh mục trình Phòng Tài Nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Luật Đất đai, ngày 29/11/2013, Luật Đấu giá tài sản, ngày 17/11/2016 và các quy định có liên quan.

- Năm 2020 huyện đã triển khai 01 dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí dọc hai bên tuyến đường Lê Hồng Phong nối dài thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei⁶:

- + Tổng số thửa đất đấu giá là 106 thửa;
- + Tổng số tiền trúng đấu giá: 25.589.377.910 đồng/106 thửa đất.
- + Tổng số tiền thu được: 13.718.725.000 đồng/49 thửa; 57/106 thửa khách hàng không nộp tiền trúng đấu giá.

Trong giai đoạn 2018 - 2020 không có đơn thư kiến nghị về công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

Việc tổ chức thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đơn vị đã thực hiện theo các quy định của Luật đất đai năm 2013; Luật đấu giá tài sản, ngày 17 tháng 11 năm 2021; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

Đối với 67/106 thửa các khách hàng không nộp tiền sử dụng đất theo thời gian quy định, UBND huyện Đăk Glei đã ban hành Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 hủy kết quả trúng đấu giá QSDĐ. Số tiền đặt cọc của 57/106 thửa là 1.174.000.000 đồng được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo phụ lục số 07)

⁶ Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND huyện Đăk Glei về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí dọc hai bên tuyến đường Lê Hồng Phong nối dài thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei.

5. Thanh tra về quản lý, phát triển cụm công nghiệp: Từ năm 2017 đến 31/12/2020 tại huyện Đăk Glei chưa thực hiện nhiệm vụ này.

III. Thanh tra công tác quản lý trật tự xây dựng và quy hoạch

Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép; việc lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch xây dựng; trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng và xử lý vi phạm trật tự xây dựng tại Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện (cơ quan tham mưu UBND huyện). Kết quả như sau:

1. Công tác cấp phép xây dựng

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đã chỉ đạo triển khai công tác cấp giấy phép xây dựng theo quy định; niêm yết công khai các thủ tục hành chính, có mở sổ theo dõi cấp phép. Từ năm 2017 đến năm 2020 Ủy ban nhân dân huyện tổ chức cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền cho 77 trường hợp.

Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ cho thấy việc cấp giấy phép xây dựng được Ủy ban nhân dân huyện thực hiện cơ bản đúng theo quy định của Luật Xây dựng, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đoàn thanh tra đã kiểm tra xác suất 15 hồ sơ, nhìn chung các hồ sơ cơ bản đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định, về quy trình, thời gian giải quyết: Thực hiện cơ bản đúng quy định (tiếp nhận hồ sơ; xem xét hồ sơ; kiểm tra thực địa; trả hồ sơ...).

Tuy nhiên, kết quả kiểm tra các hồ sơ cấp giấy phép xây dựng được lưu tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện cho thấy còn một số tồn tại như sau:

- Còn có hồ sơ theo quy định tại Khoản 7 Điều 79 Luật Xây dựng 2014 phải có tổ chức tư vấn hoặc cá nhân có đủ điều kiện năng lực thiết kế và chịu trách nhiệm về thiết kế yêu cầu phải do tổ chức, cá nhân có năng lực thiết kế (diện tích sàn >250m² hoặc chiều cao trên >3 tầng) nhưng không được thực hiện mà vẫn đứng tên chủ hộ thiết kế: GPXD số 14/UB-GPXD, ngày 30/11/2017 cấp cho Bùi Vĩnh Thục xây dựng nhà ở với tổng diện tích sàn là 295 m².

- Hồ sơ cấp phép xây dựng số 10/UBND-GPXD ngày 05/4/2019 thiếu Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế.

- Thừa bản cam kết về việc nộp thuế xây dựng cơ bản nhà ở tư nhân trong hồ sơ cấp phép xây dựng làm phát sinh thủ tục hành chính.

- GPXD số 20/UBND-GPXD ngày 13/11/2018 cấp cho ông Nguyễn Văn Minh khi chủ đầu tư đã khởi công xây dựng công trình nhưng chưa được xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Việc lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch xây dựng

2.1/ Các ĐAQH thực hiện theo thẩm quyền từ năm 2017-2020

2.1.1/ Quy hoạch chung xây dựng đô thị

- Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt lần đầu tại Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 16/06/2000.

+ Điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

+ Điều chỉnh lần hai tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

+ Điều chỉnh lần ba tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei đến năm 2025.

- Năm 2021 thực hiện Nghị Quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum. UBND tỉnh đã thống nhất cho chủ trương bổ sung thêm Dự án Cầu 16/5 kết nối giao thông giữa 2 khu vực phía Tây và phía Đông sông Pô Kô. Tháng 3/2021 sau khi có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh, UBND huyện lập hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung để bổ sung cầu 16/5 vào đồ án quy hoạch chung.

2.1.2/ Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phía Tây sông Pô Kô thị trấn Đăk Glei được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 13/7/2005 của UBND tỉnh Kon Tum. Diện tích quy hoạch 65 ha. Năm 2017, UBND huyện hoàn thành đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phía Tây sông Pô Kô thị trấn Đăk Glei. Diện tích 65 ha (UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 25/12/2017). Đồ án quy hoạch đã được công bố, công khai và bàn giao cho UBND thị trấn và xã Đăk Pék quản lý thực hiện. Công tác cắm mốc quy hoạch đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 737/QĐ-UBND, ngày 16/7/2021 của UBND huyện Đăk Glei.

- Năm 2017, UBND huyện tiếp tục thực hiện đồ quy hoạch tiết (tỷ lệ 1/500) phía Tây Bắc sông Pô Kô (giai đoạn I), diện tích quy hoạch 80 ha (UBND huyện đã phê duyệt tại Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 26/12/2017). Đồ án quy hoạch đã được công bố, công khai và bàn giao cho UBND thị trấn và xã Đăk Pék quản lý thực hiện.

- Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỉ lệ 1/500) phía Đông sông Pô Kô, Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 25/12/2020.

Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) so với quy hoạch chung tại thị trấn Đăk Glei và xã Đăk Pét là khoảng 52,0%.

2.2/ Việc rà soát những vị trí còn bất cập, không phù hợp giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Sau khi Đồ án quy hoạch được phê duyệt UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã, thị trấn biết và cập nhập vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện nên có rất ít vị trí các lô đất trong Đồ án quy hoạch không phù hợp so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. UBND huyện đang chỉ đạo phòng Tài nguyên và môi trường lập Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 và 2025 - 2030 trong đó đề nghị rà soát, bám sát các Đồ án quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn đã được UBND tỉnh, huyện phê duyệt để tránh chòng chéo giữa quy hoạch xây dựng và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.3/ Công tác tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch xây dựng.

- UBND huyện đã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch đô thị được duyệt như: Quy hoạch chung thị trấn Đăk Glei đến 2025; quy hoạch chi tiết phía Tây Sông Pô Kô; Quy hoạch chi tiết phía Đông Sông Pô Kô... Ngoài ra đối với các khu vực đang thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết và điều chỉnh quy hoạch chi tiết UBND huyện đã đôn đốc Phòng Kinh tế và Hạ tầng đẩy nhanh tiến độ, phối hợp với UBND xã Đăk Pek và thị trấn tăng cường kiểm tra việc xây dựng theo đúng hiện trạng và mục đích sử dụng đất.

- Căn cứ các nhu cầu đầu tư xây dựng công trình. Từ năm 2017 Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã tham mưu UBND huyện cung cấp thông tin về quy hoạch các công trình nằm trong khu vực quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết phía Đông và phía Tây Sông Pô Kô như: Xây dựng bờ kè phía Đông sông Pô Kô; Trường Dạy nghề huyện, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cơ sở giết mổ gia súc tập trung, Ngân hàng chính sách xã hội, Trụ sở Bảo hiểm xã hội,...

2.4/ Công tác tuyên truyền, phổ biến và công bố thông tin về quy hoạch đô thị trên địa bàn.

- Trên cơ sở Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei đến năm 2025 được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 24/11/2010, các đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm như: quy hoạch chi tiết phía Tây Sông Pô Kô; Quy hoạch chi tiết phía Đông Sông Pô Kô; quy hoạch chi tiết phía Tây Bắc sông Pô Kô (giai đoạn 1), quy hoạch nông thôn mới... UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với UBND các xã,

thị trấn tuyên truyền và phổ biến quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt và công bố rộng rãi trên địa bàn thị trấn và các xã để nhân dân được biết và thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Tuy nhiên, việc niêm yết công khai thực hiện chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật Xây dựng.

- Việc thực hiện công khai các thủ tục hành chính về quy hoạch xây dựng như: Giới thiệu địa điểm xây dựng, cấp Giấy phép xây dựng, cấp giấy phép quy hoạch, cung cấp thông tin về quy hoạch cấp chứng chỉ quy hoạch đã được UBND huyện thực hiện cơ bản theo các quy định hiện hành.

2.5/ Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn.

Thời kỳ thanh tra từ 01/01/2017 - 31/12/2020, UBND huyện Đắk Glei không tổ chức thực hiện cuộc thanh tra nào liên quan đến nội dung quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng.

Năm 2021, UBND huyện ban hành quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 về việc phê duyệt (bổ sung) kế hoạch thanh tra năm 2021 theo đó bổ sung 04 cuộc thanh tra liên quan đến công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng tại các dự án và hộ gia đình như sau: Dự án mặt bằng khu trung tâm hành chính huyện; Dự án khai thác quỹ đất khu vực Đông Sông (9,3ha); cơ sở Bảo Lộc 297 Hùng Vương, thôn Đắk Xanh, Thị trấn Đắk Glei và hộ gia đình ông Nguyễn Đình Hải, thôn 14A, Xã Đắk Pét, huyện Đắk Glei.

- Ngày 08/11/2021, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Kết luận thanh tra số 06/KL-CT, thanh tra công tác quản lý quy hoạch và quản lý đất đai tại Dự án San ủi mặt bằng khu trung tâm huyện.

- Đã kết thúc thanh tra cơ sở Bảo Lộc 297 Hùng Vương, thôn Đắk Xanh, Thị trấn Đắk Glei hiện nay đang xây dựng báo cáo kết quả thanh tra.

- Từ năm 2017-2020 UBND huyện đã ban hành 13 Quyết định xử phạt vi phạm hành vi trật tự xây dựng.

3. Quản lý trật tự xây dựng

Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra thực tế việc xây dựng công trình đối với 15 trường hợp, số công trình vi phạm: 07 trường hợp. Trong đó:

- Sai phép: 03 trường hợp.
- Vi phạm chỉ giới: 03 trường hợp.
- Vi phạm khác: 01 trường hợp.

(Kèm theo Phụ lục số 08)

4. Đối với các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra một số hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (Giao quyền cho cấp phó ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) cho thấy còn tồn tại vấn đề sau:

** Việc lập biên bản và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính*

- Biên bản vi phạm hành chính lập chưa đúng Mẫu quy định tại Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng.

- Biên bản vi phạm hành chính chưa nêu cụ thể về thời gian xảy ra vi phạm.

- Biên bản vi phạm hành chính ghi chưa đúng về quyền giải trình theo quy định tại Điều 61 Luật XLVPHC.

** Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính*

Đã quá thời hạn mà đối tượng vi phạm không chấp hành nộp tiền phạt, chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định nhưng người có thẩm quyền xử phạt chưa theo dõi, đôn đốc theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(Cụ thể các hồ sơ có sai sót theo bảng Phụ lục số 09 kèm theo)

C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

I. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm của Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND, dưới sự điều hành chỉ đạo của UBND huyện Đắk Glei. Trong những năm qua trên địa bàn huyện đã tập trung khai thác mọi nguồn lực, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và vốn huy động từ các nguồn khác. Nhìn chung, qua công tác đầu tư xây dựng, trên địa bàn huyện đã có nhiều thay đổi rõ rệt, cơ sở hạ tầng được nâng cao, giao thông đi lại thuận lợi, trường lớp được khang trang, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đời sống của Nhân dân ngày một được nâng lên.

1. Việc chấp hành quy định của Nhà nước về nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các nguồn kinh phí khác; công tác quản lý, sử dụng mua sắm tài sản công

Các đơn vị đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao hàng năm theo hướng dẫn, quy định của Bộ Tài chính, cơ quan cấp trên; việc điều hành sử dụng các nguồn kinh phí được phân cấp cơ bản theo dự toán được giao; các nguồn kinh phí năm trước chuyển sang sử dụng đúng các nhiệm vụ chi; thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, chế độ và định mức hiện hành.

Thực hiện tốt việc báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm và công khai dự toán, quyết toán theo quy định. Hằng năm đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Công tác đầu tư, mua sắm tài sản công

Việc đầu tư mua sắm, sửa chữa tài sản tại các đơn vị đã chấp hành tốt các quy định hiện hành của nhà nước về thủ tục mua sắm, trình tự mua sắm, sửa chữa tài sản (*thủ tục đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, thẩm định giá... trong mua sắm tài sản; việc đánh giá, xác định tài sản bị hư hỏng... trước khi tiến hành sửa chữa*). Các tài sản mua sắm đã được đưa vào sử dụng để phục vụ cho nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị.

3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng

3.1/ Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng:

Quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị được giao làm chủ đầu tư đã phát huy trách nhiệm của mình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng; đã phối hợp cùng với các đơn vị có liên quan tiến hành lập, thẩm định và tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện phê duyệt đầu tư dự án (cả điều chỉnh) theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Công tác tổ chức đấu thầu: Các công trình thuộc diện chỉ định thầu đều được lập thủ tục đầy đủ, các gói thầu thuộc diện đấu thầu đều có hồ sơ mời thầu, kế hoạch đấu thầu, xét thầu, kết quả trúng thầu, được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng trình tự, đúng thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Công tác nghiệm thu thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản chấp hành đúng chế độ quy định, hồ sơ chứng từ thanh toán đầy đủ, lưu trữ gọn gàng.

- Công trình hoàn thành đã lập hồ sơ hoàn công công trình; các công trình thi công đảm bảo đúng tiến độ, hoàn thành sớm thời gian đưa công trình vào khai thác sử dụng.

3.2/ Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc:

Việc tổ chức, thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc cơ bản thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Các hộ gia đình đã nhận đủ số tiền được bồi thường, hỗ trợ và cam kết không khiếu nại khiếu kiện về việc bồi thường, hỗ trợ.

3.3/ Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý phát triển quỹ đất; đấu giá quyền sử dụng đất

Việc tổ chức thực hiện công tác công tác đấu giá quyền sử dụng đất đơn vị đã thực hiện theo các quy định của pháp luật. Trong giai đoạn 2018 - 2020 không có đơn thư kiến nghị về công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

3.4/ Việc chấp hành chế độ, chính sách và sử dụng nguồn kinh phí BQL DA

Đơn vị đã chấp hành tốt các quy định của Luật NSNN, Luật Kế toán; Chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, tập hợp và lưu trữ chứng từ theo quy định, theo dõi và hạch toán kịp thời các hoạt động kinh tế phát sinh, hàng năm đã xây dựng và Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, hạch toán các khoản thu chi theo quy định, Cuối kỳ kế toán (31/12 hàng năm) đơn vị đã tiến hành kiểm kê tài sản, vật tư hàng hóa tồn kho, báo cáo quyết toán lập theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 07 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 06/2019/TT-BTC, ngày 28 tháng 1 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 07 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4. Công tác quản lý trật tự xây dựng và quy hoạch

4.1/ Về công tác cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng

- Việc cấp phép xây dựng được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei thực hiện cơ bản đúng theo quy định của Luật Xây dựng, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại: Chỉ thị số 04/CT-UBND, ngày 30/3/2015 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Chỉ thị số 05/CT-UBND, ngày 15/6/2016 về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 1477/UBND-KTN, ngày 14/7/2015 về việc tăng cường công tác quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian qua, việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả tích cực, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn các xã thị trấn đã được chú trọng thực hiện; việc tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật về xây dựng nói chung và chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng của các tổ chức, cá nhân từng bước có chuyển biến, vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng có xu hướng giảm. UBND huyện thường xuyên phối hợp với UBND các xã, thị trấn các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, tuyên truyền nhắc nhở các công trình xây dựng không có Giấy phép, trái phép trên địa bàn huyện.

- Công tác quản lý trật tự xây dựng và xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng theo thẩm quyền từ năm 2017-2020 UBND huyện đã ban hành 13 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng.

4.2/ Công tác lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng

Từ năm 2017 đến năm 2020, UBND huyện đã triển khai tổ chức thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh các đồ án quy hoạch xây dựng cơ bản đảm bảo theo các quy định của pháp luật như: Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng... và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, các Sở ngành.

4.3/ Về việc công bố, công khai các quy hoạch

UBND huyện đã công bố, công khai bằng hình thức đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện đối với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 và Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) phía Đông sông Pô Kô, Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 25/12/2020. Đồng thời đã bàn giao các hồ sơ quy hoạch điều chỉnh cho Phòng Tài nguyên - Môi trường, Ban QLDA ĐTXD huyện, UBND thị trấn, UBND xã Đăk Pék để thực hiện.

4.4/ Tình hình thực hiện cắm mốc giới quy hoạch, bàn giao và quản lý mốc giới quy hoạch

- Năm 2017, đã thực hiện cắm mốc giới quy hoạch đối với Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) phía Đông sông Pô Kô theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 của UBND huyện Đăk Glei với tổng kinh phí là 1,6 tỷ đồng trên diện tích 87ha, trong đó đã cắm 660 mốc bao gồm: 40 mốc tim đường, 559 mốc chỉ giới đường đỏ và 61 mốc ranh giới. Sau khi cắm mốc, đơn vị đã tổ chức bàn giao cho UBND Thị trấn quản lý theo quy định.

- Năm 2021, thực hiện Quyết định số 737/QĐ-UBND, ngày 16/7/2021 của UBND huyện Đăk Glei, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện đang triển khai công tác cắm mốc quy hoạch đối với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) phía Tây và Tây Bắc Sông Pô Kô theo các quyết định 1611/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 và 1613/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND huyện Đăk Glei với tổng kinh phí dự án là 1.096.599.000 đồng, diện tích quy hoạch cắm mốc là 145 ha với 478 mốc bao gồm: 433 mốc lộ giới và 45 mốc tim đường.

4.5/ Công tác quản lý quy hoạch

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thị trấn Đăk Glei và UBND huyện phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết phía Đông sông Pô Kô.

UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác quản lý quy hoạch⁷. Do đó công tác quản lý quy hoạch đã được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Việc chấp hành quy định của Nhà nước về nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các nguồn kinh phí khác; công tác quản lý, sử dụng mua sắm tài sản công

1.1/ Tại Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện

Kế toán đơn vị chưa mở sổ kho, sổ theo dõi công cụ dụng cụ, vật tư theo quy định tại Điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Một số chứng từ chi chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Một số chứng từ sửa chữa thiết bị văn phòng, mua văn phòng phẩm, nước uống chưa đảm bảo (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

Các gói thầu mua sắm trang thiết bị, bàn ghế tại đơn vị còn một số tồn tại trong lập Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh, Phụ lục tiêu chuẩn đánh giá; trên bàn ghế, trang thiết bị không được đóng nhãn hàng hóa, không có thông tin của tên sản phẩm, tên của nhà sản xuất, năm sản xuất, cỡ số của sản phẩm (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm để thực hiện theo đúng quy định.

** Để xảy ra các thiếu sót trên, trách nhiệm thuộc về lãnh đạo phòng, kế toán và cá nhân có liên quan.*

1.2/ Tại Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện

- Đơn vị chưa thực hiện mở một số sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Chứng từ kế toán sắp xếp chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Kế toán 2015. Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015; Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và các quy định hiện hành (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

⁷ Công văn số 223/UBND-CV ngày 02/3/2018 về việc thực hiện công bố, công khai các đồ án quy hoạch trên địa bàn huyện; Công văn số 260/UBND-CV ngày 07/3/2019 về một số nội dung thực hiện nhiệm vụ phát triển, chỉnh trang đô thị năm 2019; Công văn số 722/UBND-CV ngày 05/6/2019 về việc đẩy mạnh tuyên truyền và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng... trong đó UBND huyện yêu cầu Phòng KTHT, UBND các xã thị trấn thực hiện nghiêm việc công bố, công khai các đồ án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tổ chức cắm mốc giới thực địa để mọi người dân, tổ chức được biết thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ; lập Hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quá trình mua bán (cần lưu ý, rút kinh nghiệm).

- Kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn theo Chương trình MTQG XDNTM năm 2017, 2018, 2019, 2020: Đơn vị chưa thực hiện tạm ứng hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính. Hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 12 Thông tư 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

- Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm giống bò lai sinh sản bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo năm 2019: Đến thời điểm xác minh tháng 01/2022 có 07/29 con chết (chiếm tỷ lệ 24%).

** Để xảy ra các tồn tại, hạn chế trên, trách nhiệm thuộc về lãnh đạo phòng, kế toán và cá nhân có liên quan.*

1.3/ Tại Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Một số chứng từ kế toán của đơn vị chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015, Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Nguồn kinh phí hợp đồng đào tạo các lớp dạy nghề: Đơn vị chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên các lớp dạy nghề năm 2017, 2018, 2019, 2020 không đúng thời gian quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015.

** Để xảy ra các thiếu sót trên, trách nhiệm thuộc về lãnh đạo Trung tâm (giai đoạn 2017-2020), kế toán và cá nhân có liên quan.*

1.4/ Tại Văn phòng HĐND-UBND huyện

- Năm 2017: Một số chứng từ chuyển khoản tiếp khách, chi đoàn vào, chi tiền phép ... hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ. Năm 2018, 2020 một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo theo quy định của Điều 16 Luật Kế toán 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Công trình: Sửa chữa Hội trường 16/5 năm 2020; Sửa chữa nhà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện năm 2020: Hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị khắc phục.

** Để xảy ra các thiếu sót trên, trách nhiệm thuộc về lãnh đạo Văn phòng, kế toán và cá nhân có liên quan (giai đoạn 2017-2020).*

1.5/ Tại UBND xã Đắk Pét

- Đơn vị không mở các loại sổ sách theo quy định tại Mục IV Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính; Điều 5 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Mở Sổ quỹ tiền mặt nhưng không thực hiện theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính. Không thực hiện việc tự kiểm tra báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính. Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hàng năm chưa căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ; lập Hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quá trình mua bán (cần lưu ý, rút kinh nghiệm).

- Sử dụng mẫu chứng từ không đúng theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 và Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ tài chính. Chứng từ kế toán sắp xếp chưa theo quy định tại Tiêu mục 6 Mục II Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 21 Luật Kế toán 2015. Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo nội dung theo quy định tại tiêu mục 2 mục II của Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán 2015; Chi sửa chữa nhỏ các công trình (đường GTNT, nước sinh hoạt) hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Chi hỗ trợ các chi bộ trường học trên địa bàn xã theo Quyết định 99-QĐ/TW năm 2019, 2020 không đúng quy định tại khoản 2 điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW, tổng số tiền 46.323.000 đồng (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị UBND xã thu hồi số tiền 46.323.000 đồng nộp lại ngân sách xã để chi cho các hoạt động của Đảng theo quy định tại Quyết định 99-QĐ/TW.

- Kế toán đơn vị không sử dụng phần mềm kế toán MiSa Mimosa và phần mềm quản lý Tài sản công đã được UBND huyện trang bị.

* Để xảy ra các tồn tại, hạn chế trên, trách nhiệm thuộc về Chủ tịch UBND xã, kế toán và cá nhân có liên quan (giai đoạn 2017 -2020).

1.6/ Tại UBND xã Đắk Môn

- Đơn vị không mở các loại sổ sách theo quy định tại Mục IV Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính; Điều 5 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 của Bộ Tài chính. Không thực hiện việc tự kiểm tra

báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính. Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hằng năm chưa căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động. Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Đơn vị cần bổ sung thêm Bảng tổng hợp chứng từ trên mỗi tập chứng từ; lập Hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quá trình mua bán (cần lưu ý, rút kinh nghiệm).

- Sử dụng mẫu chứng từ không đúng theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 và Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ tài chính. Chứng từ kế toán sắp xếp chưa theo quy định tại Tiêu mục 6 Mục II Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 21 Luật Kế toán 2015. Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo nội dung theo quy định tại tiêu mục 2 mục II của Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005; Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán 2015; Chi sửa chữa nhỏ các công trình (đường GTNT, nước sinh hoạt) hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị đơn vị chấn chỉnh, khắc phục để thực hiện theo đúng quy định.

- Chi hỗ trợ các chi bộ trường học, Phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn xã theo Quyết định 99-QĐ/TW năm 2018, 2020 không đúng quy định tại khoản 2 điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW, tổng số tiền 42.750.000 đồng (*nội dung cụ thể đã nêu ở phần kết quả kiểm tra*). Đề nghị UBND xã thu hồi số tiền 42.750.000 đồng nộp lại ngân sách xã để chi cho các hoạt động của Đảng theo quy định tại Quyết định 99-QĐ/TW.

- Kế toán đơn vị không sử dụng phần mềm kế toán MiSa Mimosa và phần mềm quản lý Tài sản công đã được UBND huyện trang bị.

* *Để xảy ra các tồn tại, hạn chế trên, trách nhiệm thuộc về Chủ tịch UBND xã, kế toán và cá nhân có liên quan (giai đoạn 2019 -2020).*

2. Việc xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán ngân sách

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện không thực hiện xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm cho các đơn vị dự toán cùng cấp và ngân sách cấp xã theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

* *Trách nhiệm thuộc về Trưởng phòng và cá nhân có liên quan (theo nhiệm vụ được phân công).*

3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng

Các công trình, dự án trong quá trình nghiệm thu thanh toán, còn có một số gói thầu xây lắp, nghiệm thu thanh toán còn sai so với khối lượng thực tế thi công, chủ

đầu tư chưa rà soát, cắt giảm phân dự toán tính thừa, tính trùng khối lượng so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; tiền thuế GTGT 10% phân chi phí nhân công đối với các công trình nông thôn mới chưa thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước, dẫn đến kết quả kiểm tra một số gói thầu giảm so với giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán với số tiền **1.326.307.647 đồng** (chưa trừ thuế GTGT), cụ thể:

- Tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện: 66.786.234 đồng.
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: 38.553.813 đồng.
- UBND xã Đăk Nhoong: 296.414.600 đồng.
- UBND xã Đăk Môn: 54.968.000 đồng.
- UBND xã Đăk Kroong: 81.510.000 đồng.
- UBND xã Xốp: 151.428.000 đồng.
- UBND xã Đăk Choong: 90.219.000 đồng.
- UBND xã Đăk Man: 195.540.000 đồng.
- UBND xã Đăk Plô: 202.864.000 đồng.
- UBND xã Ngọc Linh: 148.024.000 đồng.

Các công trình đầu tư theo Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong quá trình nghiệm thu thanh toán các xã chưa thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Kon Tum, quá trình thi công một số công trình chủ đầu tư khoán cho đơn vị cung ứng vật liệu máy thi công thực hiện; chi phí nhân công (phần Nhà nước đầu tư) chủ đầu tư không thực hiện thu thuế GTGT theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT.

** Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc và kế toán BQL DA đầu tư xây dựng huyện; Trưởng phòng và Kế toán Phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện; Chủ tịch và kế toán các xã: Đăk Nhoong, Đăk Môn, Đăk Kroong, Xốp, Đăk Choong, Đăk Man, Đăk Plô, Ngọc Linh của các thời kỳ theo niên độ kế toán kiểm tra; Đơn vị thẩm định hồ sơ thiết kế, hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổng dự toán xây dựng các công trình, dự án và các đơn vị có liên quan.*

4. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc:

Việc UBND huyện giao nhiệm vụ công tác bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc cho 02 đơn vị trên địa bàn huyện cùng thực hiện là chưa phù hợp theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3597/UBND - KTTH ngày 27/12/2018

và Công văn số 91/SNV-TCBC&TCPCP ngày 14/01/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum.

** Trách nhiệm này thuộc về UBND huyện Đăk Glei và các đơn vị có liên quan.*

5. Công tác quản lý trật tự xây dựng và quy hoạch

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác quản lý nhà nước về quy hoạch có mặt còn hạn chế; tình trạng vi phạm về quy hoạch, xây dựng, trật tự đô thị vẫn còn xảy ra, có chiều hướng gia tăng⁸, cụ thể như sau:

5.1/ Đối với công tác cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng

a) Đối với công tác cấp phép xây dựng

Chưa tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Xây dựng và Thông tư 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn về cấp phép xây dựng: Thừa bản cam kết về việc nộp thuế xây dựng cơ bản nhà ở tư nhân trong hồ sơ cấp phép xây dựng làm phát sinh thủ tục hành chính; hồ sơ thiết kế do cá nhân không đủ điều kiện năng lực thực hiện; hồ sơ còn thiếu Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế;

** Trách nhiệm thuộc về phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đăk Glei là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong công tác cấp phép xây dựng*

b) Đối với công tác quản lý trật tự xây dựng

Tình trạng vi phạm trật tự xây dựng, xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp, vi phạm chỉ giới vẫn còn xảy ra. Qua kiểm tra đã phát hiện 07 trường hợp vi phạm.

Trách nhiệm thuộc về UBND thị trấn Đăk Glei chưa thường xuyên kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn để lập biên bản xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm và phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện trong tham mưu quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn huyện chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt.

c) Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

Một số hồ sơ còn có sai sót trong việc lập biên bản, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; công tác theo dõi, đôn đốc và cưỡng chế buộc thực hiện việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong đó có chấp hành nộp tiền phạt và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả chưa được người có thẩm quyền xử phạt xử lý cương quyết, dứt điểm các trường hợp vi phạm theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính.

⁸ Nhận định của Huyện ủy Đăk Glei tại Báo cáo số 214-BC/HU, ngày 21/01/2022 về kết quả thực hiện Kết luận số 45-KL/TU, ngày 19/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm việc với Ban Thường vụ huyện ủy Đăk Glei về tình hình kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2021.

** Trách nhiệm thuộc về Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các phòng ban có liên quan của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.*

5.2/ Về việc công bố, công khai các quy hoạch

Việc niêm yết công khai chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật Xây dựng. Nội dung công bố công khai quy hoạch xây dựng chưa bao gồm toàn bộ nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng đã được ban hành, trừ những nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước.

** Trách nhiệm thuộc về Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các phòng ban có liên quan của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.*

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei

- Chỉ đạo các cơ quan tham mưu và các đơn vị trực thuộc, phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những thiếu sót, tồn tại để hoàn thành tốt trong công tác quản lý nhà nước về sử dụng nguồn kinh phí được giao; việc quản lý, sử dụng tài sản công; về đầu tư xây dựng cơ bản; về công tác trật tự xây dựng và quy hoạch.

- Chỉ đạo cho các chủ đầu tư, các Phòng ban và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án, công trình hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện dự án thuộc chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện việc thu thuế GTGT theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT.

- Trong thời gian tới chỉ đạo cho các đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư, quản lý dự án ngoài việc lựa chọn các đơn vị tư vấn đủ điều kiện thực hiện các gói thầu tư vấn theo quy định, cần lựa chọn các đơn vị tư vấn có kinh nghiệm và trách nhiệm để giúp chủ đầu tư quản lý dự án tốt hơn.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý tài sản công đã trang bị cho các đơn vị dự toán. Đồng thời, thực hiện xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm cho các đơn vị dự toán cùng cấp và ngân sách cấp xã theo quy định.

- Giao nhiệm vụ phát triển quỹ đất (*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc*) cho 01 đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 3597/UBND - KTTH ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh và

Công văn số 91/SNV-TCBC&TCPCP ngày 14/01/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum. Đồng thời tiến hành thu hồi Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện Đắk Glei về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Đắk Glei và thông báo số 171/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND huyện Đắk Glei về việc kết luận của UBND huyện về một số nội dung liên quan việc thực hiện nhiệm vụ các của đơn vị liên quan đến công tác bồi thường GPMB trên địa bàn huyện; tiến hành giao cho Ban quản lý ĐTXD huyện Đắk Glei thực hiện công tác bồi thường GPMB trên địa bàn huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

- Đề nghị UBND huyện xem xét tổ chức đấu giá đối với 57/106 thửa mà khách hàng không nộp tiền trúng đấu giá.

- Công tác quản lý trật tự xây dựng và quy hoạch: Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn: Rà soát các trường hợp vi phạm mà Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã quá thời hạn mà đối tượng vi phạm chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa đầy đủ để tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm nhưng chưa được xử lý theo thẩm quyền.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát việc công bố công khai quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định tại toàn bộ các xã, thị trấn và có kế hoạch triển khai thực hiện công bố công khai quy hoạch đầy đủ theo quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức, cá nhân kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc để xảy ra những hạn chế, thiếu sót nêu tại phần kết luận mà Đoàn thanh tra đã nêu.

2. Đối với các đơn vị được thanh tra

2.1. Đối với Văn phòng HĐND-UBND huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm GDNN-GDTX; Phòng Kinh tế và hạ tầng; BQL DA đầu tư xây dựng huyện; UBND các xã: Đắk Pét, Đắk Nhoong, Đắk Môn, Đắk Kroong, Xốp, Đắk Choong, Đắk Man, Đắk Plô, Ngọc Linh

- Phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục có hiệu quả những thiếu sót tồn tại, để hoàn thành tốt trong công tác quản lý nhà nước về sử dụng nguồn kinh phí được giao; việc quản lý, sử dụng tài sản công; về đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tăng cường công tác giám sát, công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành chặt chẽ hơn, khai thác, sử dụng có hiệu quả các công trình đã đưa vào sử dụng nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý đầu tư xây dựng.

- Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan về những hạn chế, thiếu sót nêu tại phần kết luận thanh tra.

2.2. Đối với Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Nghiêm túc rút kinh nghiệm trong tham mưu quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn huyện còn chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt.
- Rà soát, kiểm tra kỹ trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

2.3. Đối với UBND thị trấn Đăk Glei

- Nghiêm túc rút kinh nghiệm khi để tình trạng vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn vẫn còn xảy ra, chưa xử lý kịp thời.
- Thường xuyên theo dõi việc chấp hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính của các đối tượng vi phạm, kịp thời báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền các trường hợp không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử lý vi phạm hành chính.
- Tăng cường kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn, kiên quyết không để xảy ra tình trạng vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn mà không được kiểm tra, phát hiện, xử lý.

3. Xử lý về kinh tế:

- Đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei chỉ đạo UBND xã Đăk Pét và UBND xã Đăk Môn có trách nhiệm thu hồi số tiền: 89.073.000 đồng (*bằng chữ: Tám mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) nộp về cho đơn vị, cụ thể:

- + UBND xã Đăk Pét: 46.323.000 đồng;
- + UBND xã Đăk Môn: 42.750.000 đồng.

- Đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei có trách nhiệm thu hồi số tiền 1.326.307.647 đồng, trừ thuế GTGT đối với các công trình đã xuất hóa đơn, còn lại số tiền 1.316.731.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện: 60.715.000 đồng.
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: 35.049.000 đồng.
- UBND xã Đăk Nhoong: 296.414.000 đồng.
- UBND xã Đăk Môn: 54.968.000 đồng.
- UBND xã Đăk Kroong: 81.510.000 đồng
- UBND xã Xốp: 151.428.000 đồng.
- UBND xã Đăk Choong: 90.219.000 đồng.
- UBND xã Đăk Man: 195.540.000 đồng.
- UBND xã Đăk Plô: 202.864.000 đồng.

- UBND xã Ngọc Linh: 148.024.000 đồng.

Toàn bộ số tiền sai phạm **1.316.731.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng*) đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei có trách nhiệm thu hồi nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Kon Tum số 3949.0.1048279 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

- Đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei báo cáo kết quả thực hiện kết luận và các kiến nghị thanh tra về Thanh tra tỉnh sau 45 ngày, kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra; niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của UBND huyện theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Nội chính tỉnh ủy (báo cáo);
- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy (báo cáo)
- UBND huyện Đăk Glei: TH;
- Phòng Nghiệp vụ 3 (TD);
- Lưu: VT, Hồ sơ Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

A VƯỢNG